

**BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH MUA SẮM TÀI SẢN, TRANG THIẾT
BỊ PHỤC VỤ TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ TÂN ĐOÀN**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Tân Đoàn)

STT	Nội dung mua sắm	Đơn vị tính	Tổng nhu cầu mua		Đã mua sắm			Nhu cầu còn t	
			Số lượng	Kinh phí (đồng)	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí (đồng)	Số lượng	Đơn giá
	TỔNG CỘNG			317.294.918			267.294.918	2	
	XÃ TÂN ĐOÀN								
I	BỘ KIOS, MÁY SCAN, MÁY IN			220.898.500			220.898.500		
1	Máy in laser đen trắng Canon LBP122DW (A4/A5/ Đảmặt/ USB/ WIFI)	Cái	1	6.562.500	1	5.250.000	6.562.500		
2	Máy in laser đen trắng Canon LBP6030 (A4/A5/ USB)	Cái	2	8.625.000	2	3.450.000	8.625.000		
3	Máy scan HP ScanJet Pro 2000s2	Cái	1	8.625.000	2	3.450.000	8.625.000		
4	Máy Scan Canon Lide 300 (A4, Flatbed, USB)	Cái	2	5.625.000	2	2.250.000	5.625.000		
5	Máy Scan A3 MicroTek XT5750HS	Cái	1	16.520.000	1	14.500.000	16.520.000		
6	Bộ Kios xếp hàng lấy số tự động	Bộ	1	38.880.000	1	36.000.000	38.880.000		
7	Phần mềm lấy số tự động và đánh giá mức độ hài lòng (Phần mềm quản lý lấy số tự động theo quầy và đánh giá chấm điểm mức độ hài lòng của người dân khi làm thủ tục tại mỗi quầy)	Gói	1	29.950.000	1	29.950.000	29.950.000		
8	Bộ Kios phục vụ người dân tra cứu thông tin	Bộ	1	38.826.000	1	35.950.000	38.826.000		

9	Màn hình LED hiển thị	Cái	5	12,150,000	5	2.250.000	12,150,000		
10	Máy tính bảng đánh giá mức độ hài lòng	Cái	5	25.110.000	5	4.650.000	25.110.000		
11	Âm ly kèm công suất	Cái	1	4.860.000	1	4.500.000	4.860.000		
12	Loa treo tường	Cái	2	3.240.000	2	1.500.000	3.240.000		
13	Gói vật tư lắp đặt (dây điện, dây mạng, ổ cắm, phích cắm. Lặt nhựa, hạt	Gói	1	3.596.400	1	3.330.000	3.596.400		
14	Chi phí vận chuyển hàng hoá đến địa điểm lắp đặt	Gói	1	3.240.000	1	3.000.000	3.240.000		
15	Nhân công lắp đặt thiết bị	Gói	1	4.503.600	1	4.170.000	4.503.600		
16	Nhân công cài đặt, cấu hình, hiệu chỉnh phần mềm	Gói	1	5.508.000	1	5.100.000	5.508.000		
17	Chi phí hỗ trợ vận hành xử lý sự cố trong 12 tháng	Gói	1	4.752.000	1	4.400.000	4.752.000		
II	TÀI SẢN, THIẾT BỊ KHÁC			30.710.000			30.710.000		
1	Biển tên để bàn Meka	C	7	1.540.000	7	220.000	1.540.000		
2	Biển 1 cửa lắp trong phòng KT: 1m x 7m (khung sắt mặt alu chữ phomech trắng)	M2	7	4.550.000	7	650.000	4.550.000		
3	Biển 1 cửa lắp ngoài trời trên mái KT: 1,m x 6m (khung sắt mặt alu chữ phomech trắng)	M2	6	3.900.000	6	650.000	3.900.000		
4	Biển trên cửa " Phó giám đốc "	C	1	50.000	1	50.000	50.000		
5	Chuyển và sửa bàn 1 cửa	L	1	1.500.000	1	1.500.000	1.500.000		
6	Khẩu hiệu mặt trước phòng hành chính công KT: 40 x 2,5m (khung sắt mặt alu chữ phomech trắng)	C	3	2.100.000	3	700.000	2.100.000		
7	Khung bạt + lắp " Nội quy " + " Thông báo hành chính công " KT: 1m x 1,5m	C	2	1.100.000	2	550.000	1.100.000		
8	Ghế xoay Xuân Hòa	C	6	6.480.000	6	1.080.000	6.480.000		

9	Ghế Xuân Hòa phòng chờ (1 hàng dài 4 ghế)	C	3	8.250.000	3	2.750.000	8.250.000		
10	Biển tên HCC để bàn KT: 25 x 40 có đế (01;02;03;04;05;06)	C	6	1.200.000	6	200.000	1.200.000		
11	In + ép (Biển chỉ dẫn + Mật khẩu Wifi	T	2	40.000	2	20.000	40.000		
III	HẠ TẦNG MẠNG, CHỮ KÝ SỐ			15.686.418			15.686.418		
1	Đường Internet 1	Gói	1	300.000	1	300.000	300.000		
2	Gói cước 1 năm	Gói	1	2.880.000	1	2.880.000	2.880.000		
3	Đường Internet 2	Gói	1	300.000	1	300.000	300.000		
4	Gói cước 1 năm	Gói	1	2.160.000	1	2.160.000	2.160.000		
5	Máy bàn	Cái	1	330.000	1	330.000	330.000		
6	CKS DVC Kho bạc 1	Cái	1	810.000	1	810.000	810.000		
7	CKS DVC Kho bạc 2	Cái	1	810.000	1	810.000	810.000		
8	CKS đơn vị	Cái	1	3.055.418	1	3.055.418	3.055.418		
9	PM BHXH	Gói	1	1.026.000	1	1.026.000	1.026.000		
10	Biên lai điện tử	Gói	1	3.135.000	1	3.135.000	3.135.000		
11	Ký số biên lai ĐT	Gói	1	880.000	1	880.000	880.000		
IV	NHU CẦU TRANG THIẾT BỊ CÒN THIẾU			50.000.000					
1	Thiết bị làm mát (Điều hoà)	Bộ	1	20.000.000				1	
2	Hệ thống camera giám sát	Bộ	1	30.000.000				1	

thiếu

**Kinh phí
(đồng)**

50.000.000

[illegible]

[illegible]

[illegible]